

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ba
Tiêu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 và Quy
định quản lý theo đồ án quy hoạch chung**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội khóa XIV về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1456/QĐ-TTg ngày 22/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND huyện Ba Tơ về việc phê duyệt nhiệm vụ khảo sát, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí

lập Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Tiêu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND xã Ba Tiêu tại Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 17/12/2024 và đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 202/BCTĐ-KT&HT ngày 18/12/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Tiêu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 với những nội dung chính sau đây:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Tiêu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035.

2. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch

Khu vực lập quy hoạch chung xây dựng xã Ba Tiêu, bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên xã Ba Tiêu khoảng 4.067,67 ha. Có giới cận như sau:

- Phía Bắc giáp xã Ba Ngạc;
- Phía Nam giáp xã Ba Vì;
- Phía Đông giáp xã Ba Tô và xã Ba Giang;
- Phía Tây giáp tỉnh Kon Tum.

3. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã

a) Mục tiêu

- Đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với sự chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế sang thương mại dịch vụ, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước;

- Đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn với điều kiện tiện nghi giảm dần khoảng cách với cuộc sống đô thị;

- Phù hợp với đặc điểm sinh thái, hình thái sinh hoạt, sản xuất của dân cư các vùng, miền. Đảm bảo định cư bền vững và phòng chống hiệu quả, giảm nhẹ tác động thiên tai;

- Rà soát, cập nhật những nội dung thay đổi để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Ba Tiêu và định hướng phát triển kinh tế xã hội của huyện Ba Tư trong giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2035, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Ba Tư.

- Làm cơ sở xây dựng, phát triển các điểm dân cư và hệ thống kết cấu hạ tầng cho việc định hướng trong quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

b) Tính chất, chức năng của xã

- Là xã nông thôn của huyện Ba Tư được quy hoạch theo hướng cải tạo nâng cấp và phát triển đồng bộ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội theo tiêu chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Là vùng phát triển nông - lâm nghiệp kết hợp thương mại dịch vụ theo hướng hiện đại, hiệu quả chất lượng, là vùng nguyên liệu nông, lâm sản, chăn nuôi,... tạo nguồn nguyên liệu cho các nhà máy chế biến công nghiệp; phát triển dịch vụ và du lịch (*du lịch văn hóa, du lịch sinh thái...*).

4. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật chủ yếu

a) Quy mô dân số, lao động

- Hiện trạng năm 2022: Dân số toàn xã có 2.558 người, dân số trong độ tuổi lao động 1.202 người;

- Đến năm 2025: Dân số toàn xã có 2.640 người, dân số trong độ tuổi lao động 1.452 người;

- Đến năm 2035: Dân số toàn xã có 2.890 người, dân số trong độ tuổi lao động 1.676 người.

b) Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu tính đến năm 2035 theo dân số và quy hoạch sử dụng đất được lập:

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu tối thiểu	Chỉ tiêu của xã
I	Sử dụng đất			
	- Đất đơn vị ở	m ² /người	≥25	109
	- Đất công trình dịch vụ - công cộng	m ² /người	≥5	14,55
	- Đất cây xanh	m ² /người	≥2	5,95
II	Hạ tầng xã hội thiết yếu			
2.1	Giáo dục			
-	Trường mầm non	m ² /cháu	≥12	22
-	Trường tiểu học	m ² /học sinh	≥10	46,26
-	Trường trung học cơ sở	m ² /học sinh	≥10	63,87
2.2	Y tế	m ² /trạm (có vườn thuốc nam)	1.000,0	1.500
2.3	Sân thể thao cơ bản	m ² /cụm	≥5.000	6.700
2.4	Các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu khác	Đảm bảo theo quy định QCVN 01:2021/BXD		
III	Hạ tầng kỹ thuật			
1	Giao thông	m ² /người	≥5	167,19
2	Chỉ tiêu cấp nước sinh hoạt	l/ng.ng.đ	≥60	231

STT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu tối thiểu	Chỉ tiêu của xã
3	Chỉ tiêu cấp điện			
	- Sinh hoạt	W/người	≥ 150	390
	- Công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt)	%	15%	74
4	Tỉ lệ thu gom, xử lý nước thải	%	60% nước cấp sinh hoạt	100
5	Chỉ tiêu rác thải, chất thải rắn	kg/người/ng.đêm	$\geq 0,8$	0,9
6	Nghĩa trang	ha/1000 dân	$\geq 0,04$	0,12

5. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã

a) Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

- Khu trung tâm xã bao gồm các công trình sự nghiệp, công trình công cộng và khu dân cư thuộc thôn Làng Trui, nằm dọc theo QL24 với diện tích quy hoạch là 16,4 ha.

- Định hướng Quy hoạch khu trung tâm với đầy đủ các chức năng hành chính, thương mại dịch vụ, y tế, thể thao văn hóa cấp xã như: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa xã, trạm y tế xã, bưu điện văn hóa xã, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn, sân thể thao, công viên cây xanh...

b) Định hướng quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo thôn

b1) Định hướng chung:

- Tôn trọng và giữ gìn các khu dân cư hiện có tại các thôn; hạn chế tối đa việc giải tỏa, di dời làm xáo trộn cuộc sống của nhân dân;

- Phát triển khu dân cư dọc theo tuyến đường giao thông thuận lợi cho quá trình phát triển kinh tế, đảm bảo nhu cầu đất ở toàn xã.

b2) Định hướng cụ thể:

Tổng diện tích đất quy hoạch các điểm dân cư xen kẽ (phát triển mới) với tổng diện tích đất xây dựng nhà ở là 3,62 ha nằm xen kẽ trong các khu dân cư hiện hữu.

c) Quy hoạch tổ chức hệ thống các công trình công cộng

c1) Công trình hành chính

- Quy hoạch mở rộng đất trụ sở UBND xã về phía Tây diện tích đất sau mở rộng 0,63 ha ($6.354m^2$).

- Công trình trụ sở làm việc Công an xã quy hoạch mở rộng về phía Tây diện tích đất sau mở rộng $1.960 m^2$.

c2) Hệ thống các công trình công cộng, dịch vụ:

* Công trình dịch vụ thương mại

+ Vị trí 1: Quy hoạch chuyển đổi và mở rộng vị trí đất trạm y tế hiện trạng sang đất thương mại dịch vụ diện tích 1.918 m^2 .

+ Vị trí 2: Quy hoạch đất phát triển thương mại dịch vụ tại vị trí phía bắc nút giao giữ QL24 với QL24B diện tích 2.500 m^2 .

+ Vị trí 3: Quy hoạch quỹ đất phát triển dịch vụ du lịch tại thác KRây, diện tích 5 ha.

+ Vị trí 4: Quy hoạch quỹ đất phát triển thương mại - dịch vụ trên Quốc Lộ 24B, diện tích 3,8ha.

+ Tận dụng cảnh quan ven hồ thủy điện Ba Vì quy hoạch quỹ đất diện tích 1,5 ha để phát triển các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, cắm trại, ẩm thực...

* Bưu điện xã: Giữ nguyên vị trí hiện trạng tại trung tâm xã, chỉnh trang trồng cây xanh cảnh quan. Diện tích đất $0,05 \text{ ha}$ (458 m^2).

* Công trình y tế: Quy hoạch vị trí mới (*đối diện trụ sở công an xã*) diện tích 1.500 m^2 .

* Công trình giáo dục – đào tạo

- Trường trung học cơ sở: Giữ nguyên diện tích đất. Diện tích đủ đáp ứng cho nhu cầu đất giáo dục của xã đến năm 2035 theo quy chuẩn hiện hành, từng bước đầu tư trang thiết bị để đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học.

- Trường tiểu học: Quy hoạch mở rộng đất về phía Tây, diện tích sau mở rộng 8.690 m^2 .

- Trường mầm non: Chuyển đổi chức năng sử dụng đất điểm mầm non thôn Làng Trui thành đất ở, mầm non thôn Kà Rây thành đất thể thao thôn, thôn Mang Biều thành đất ở. Mở rộng điểm trường mầm non tại trung tâm xã về phía Tây diện tích sau mở rộng 3.180 m^2 để đáp ứng nhu cầu cho giai đoạn 2035.

* Công trình văn hóa, cây xanh, thể dục thể thao

- Quy hoạch mở rộng nhà văn hóa xã Ba Tiêu về phía Tây, diện tích sau mở rộng 3.132 m^2 .

- Quy hoạch xây dựng khu thể thao trung tâm xã diện tích $0,67 \text{ ha}$ (6.700 m^2) tại vị trí trung tâm xã (*phía Tây UBND xã Ba Tiêu*) bao gồm khu thể thao đa năng và sân vận động xã.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Làng Trui: Quy hoạch vị trí mới diện tích 1.500 m^2 , vị trí hiện trạng quy hoạch chuyển sang đất ở.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Kà Rây: Quy hoạch vị trí mới diện tích 1500 m^2 , vị trí hiện trạng quy hoạch chuyển sang đất thể thao thôn.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Mang Biều: Quy hoạch xây dựng mới nhà văn hóa, khu thể thao diện tích 1.500 m^2 , vị trí hiện trạng quy hoạch chuyển sang đất ở.

- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn Nước Tĩa: Quy hoạch vị trí mới diện tích 1.500 m^2 , vị trí hiện trạng quy hoạch chuyển sang đất ở.

- Quy hoạch hệ thống cây xanh: Quy hoạch đất cây xanh công viên trung tâm xã (*điểm vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi*) diện tích 9.038 m^2 tại

vị trí trung tâm xã (phía Đông đường Quốc lộ 24).

d) Định hướng không gian phát triển dịch vụ, du lịch

Quy hoạch khai thác cảnh quan ven hồ thủy điện Ba Vì diện tích 1,5 ha để phát triển các loại hình dịch vụ vui chơi giải trí, cắm trại, ẩm thực.... Phát triển dịch vụ du lịch tại Điểm du lịch thác Kà Rầy diện tích 5 ha.

đ) Định hướng không gian phát triển công nghiệp - TTCN

không quy hoạch đất cụm công nghiệp. Tiếp tục duy trì các cơ sở sản xuất TTCN nhỏ lẻ hộ gia đình, như mộc gia dụng, kỹ nghệ sắt, nhôm, nấu rượu, cơ sở sơ chế nông sản.

e) Định hướng không gian vùng sản xuất nông nghiệp

e1) Trồng trọt:

- Quy hoạch vùng trồng lúa: Diện tích đất lúa quy hoạch đến năm 2025 là 181,2ha, đến năm 2035 là 179,39 ha chủ yếu là sản xuất lúa thường để đáp ứng nhu cầu lương thực cho nhân dân trong xã. Vùng sản xuất lúa chủ yếu tập trung tại các xứ đồng: Ra Năng, Tin, Mang Po, Van Cà Rét, Mang Biều, Ra Lăng, Tà Dô, Bờ Nu, Vã Nhãng, KNóc, Ca Sa, Vã Nu, Mang Krét...

- Vùng trồng cây hàng năm khác:

+ Cây Ngô: Vùng trồng phân bố tại các khu vực đất bằng phẳng dọc sông Re.

+ Cây Mì (*Sắn*): Phát triển theo hướng xây dựng các vùng trồng trồng mì tập trung, bền vững, tránh phát triển ồ ạt và tự phát ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và làm thoái hoá, xói mòn đất.

+ Rau đậu các loại: Đa dạng chủng loại và mùa vụ, tiến tới sản xuất theo hướng sạch, hữu cơ, đáp ứng nhu cầu cho khu vực trong và ngoài vùng huyện.

- Cây ăn quả: Cải tạo vườn tạp, quy hoạch các vườn cây ăn quả dọc sông Re, hình thành vùng trồng cây ăn quả theo hướng sạch, hữu cơ kết hợp phát triển du lịch. Các loại cây đề xuất (*Bưởi da xanh, nhãn, chuối tiêu, bơ...*). Kết hợp khai thác phát triển loại hình du lịch tham qua các vườn cây ăn quả. Dự kiến đến năm 2035 diện tích trồng cây ăn quả khoảng 50 ha.

e2) Chăn nuôi:

Thực hiện chăn nuôi theo định hướng, phát triển chăn nuôi theo phương thức an toàn dịch bệnh, phù hợp với lợi thế của địa phương; tăng cường cải tạo và nâng cao chất lượng giống, áp dụng quy trình chăn nuôi để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả.

e3) Nuôi thủy sản: Tận dụng mặt nước các hồ chứa nước thủy điện Nước Long, hồ chứa nước thủy điện Ba Vì để nuôi thủy sản nước ngọt kết hợp với các loại hình dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí cuối tuần, khuyến khích nhân dân tận dụng tối đa diện tích mặt nước sẵn có để nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

e4) Quy hoạch vùng sản xuất lâm nghiệp

Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất rừng phòng hộ hiện có. Phát triển rừng theo hướng đa mục tiêu (kết hợp phát triển trồng cây dược liệu và cây song mây dưới tán rừng, kết hợp có hiệu quả giữa rừng phòng hộ, rừng sản xuất với du lịch sinh thái). Quy hoạch rừng sản xuất theo hướng trồng cây gỗ lớn.

6. Quy hoạch sử dụng đất

Giai đoạn quy hoạch		Hiện trạng		Giai đoạn 2035	
Stt	Hạng mục sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỉ lệ (%)
	Diện tích đất tự nhiên toàn xã	4.067,69	100	4.067,69	100
1	Đất nông nghiệp	3.859,51	94,88	3.789,11	93,15
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	1.094,43	26,91	1.040,13	25,57
1.2	Đất lâm nghiệp	2.764,94	67,97	2.748,85	67,58
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	0,13	0,00	0,13	0,00
1.4	Đất làm muối	0,00	0,00	0,00	0
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,00	0,00	0,00	0
2	Đất xây dựng	98,36	2,42	225,01	5,53
2.1	Đất ở	27,88	0,69	31,50	0,77
2.2	Đất công cộng	2,97	0,07	4,20	0,10
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,00		1,72	0,04
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,00	0,00	0,00	0,00
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0,00	0,00	0,00	0,00
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00	0,00	0,00
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác (thương mại dịch vụ)	0,00	0,00	12,85	0,32
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	65,49	1,61	167,85	4,13
2.8.1	Đất giao thông	39,74	0,98	48,32	1,19
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,00	0,00	0,00	0,00
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	15,04	0,37	16,54	0,41
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác (công trình năng lượng, công trình hạ tầng kỹ thuật cấp xã)	10,71	0,26	102,99	2,53
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất (thủy lợi)	2,05	0,05	6,54	0,16
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,25	0,01	0,35	0,01
3	Đất khác	109,82	2,70	53,57	1,32
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	58,14	1,43	10,35	0,25
3.2	Đất chưa sử dụng	51,67	1,27	43,22	1,06

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Chuẩn bị kỹ thuật

- Nền xây dựng

+ Đối với các khu dân cư hiện trạng có mật độ xây dựng đã tương đối ổn định, khi xen ghép xây dựng bổ sung thêm công trình hoặc cải tạo, nâng cấp công trình cũ cần không chế cao độ nền trên cơ sở không phá vỡ hoặc ảnh hưởng xấu tới công trình liền kề, đảm bảo phối hợp hài hoà với khu vực xung quanh và không ảnh hưởng bất lợi tới các hướng tuyến thoát nước chung của khu vực;

+ Đối với các khu dân cư nằm ven theo các trục đường hiện có. Nền xây dựng được tổ chức san lấp cục bộ, cao độ không chế nền hoàn thiện công trình lấy cao hơn cốt nền đường tại khu vực từ: 0,3 - 0,5m. Tổ chức hướng dốc nền về phía có hệ thống thoát nước, độ dốc $i > 0,004$;

+ Một số khu vực dự kiến xây dựng mới nằm trên nền thấp bị ảnh hưởng ngập úng giải pháp chính là tôn nền. Cao độ san nền đảm bảo cao hơn mực nước lũ lớn nhất hàng năm đo được tại các khu vực tối thiểu 0,3 m;

- Giải pháp quy hoạch thoát nước

+ Hệ thống thoát nước kết hợp thoát nước riêng, thoát nước nửa riêng và thoát nước chung với hệ thống thoát nước thải tùy từng khu vực.

+ Đối với các tuyến công ở khu vực trung tâm xã, khu đông dân cư sẽ sử dụng hệ thống cống bê tông ly tâm, cống hộp và các tuyến mương, được thiết kế là loại mương có hình dạng mặt cắt chữ nhật, đáy nắp đan kết hợp mương xây hờ nhằm bảo đảm cảnh quan và thẩm mỹ cho khu vực.

b) Định hướng giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Tuyến đường quốc lộ 24B và đường quốc lộ 24 đoạn qua khu vực quy hoạch được nâng cấp, mở rộng theo Quy hoạch cấp trên. Định hướng quy hoạch tuyến đường đạt cấp III.

+ Quy hoạch tuyến đường huyện Ba Tô – Ba Tiêu; đường Ba Xa – Ba Vì – Ba Tiêu quy mô các tuyến đạt cấp IV miền núi, quy mô mặt cắt nền đường $B_n = 7,5m$, mặt đường $B_m = 6,5m$.

- Giao thông đối nội:

+ Đường liên xã, trục xã: Phát triển trên cơ sở các đường trục xã và liên xã hiện trạng và mở mới một số tuyến đảm bảo sự kết nối giữa các thôn và trung tâm xã, liên khu vực và hệ thống giao thông đối ngoại. Định hướng nâng cấp mở rộng một số tuyến đường xã với quy mô đường cấp V-VI miền núi (TCVN 4054:2005) hoặc cấp A (TCVN 10380:2014).

+ Đường trục thôn: Phát triển trên cơ sở các đường trục thôn hiện trạng. Điều chỉnh, mở rộng, cứng hóa và mở mới một số tuyến đường trong khu dân cư

tập trung mới, đạt đường cấp VI (TCVN 4054:2005) hoặc cấp A, B (TCVN 10380:2014).

+ Đường ngõ, xóm: Cơ bản giữ nguyên các tuyến đường ngõ, xóm hiện hữu; Mở rộng, cứng hóa và mở mới một số tuyến đường trong khu dân cư tập trung mới, đạt tiêu chuẩn đường cấp B, C (TCVN 10380:2014).

+ Đường trục chính nội đồng: Mở rộng và cứng hóa các tuyến nội đồng đảm bảo phục vụ sản xuất, có bề rộng nền đường tối thiểu từ 3,5 m.

c) Hệ thống thủy lợi

Nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống đập và kênh mương nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sản xuất trên địa bàn.

d) Cấp nước

- Khu vực Trung tâm xã: Định hướng xây dựng trạm cấp nước sạch nông thôn công suất khoảng 250 m³/ngày, nguồn cấp nước thô lấy từ nguồn nước mặt sông Re. Xây dựng mới hệ thống đường ống dọc theo các trục đường giao thông đến các hộ dân đồng bộ để cấp nước cho dân cư trên địa bàn.

- Công trình cấp nước hiện trạng định hướng cải tạo, nâng cấp phục vụ nhu cầu dùng nước của nhân dân.

e) Cấp điện

Trước mắt sử dụng điện từ lưới điện quốc gia thông qua trạm biến áp trung gian 35 kV Ba Tơ kết hợp nguồn điện trạm 220 kV thủy điện Nước Long; sau khi đầu tư trạm 110 kV Ba Tơ (1x25MVA) thì bỏ trạm 35 kV Ba Tơ, cung cấp cho các trạm biến áp trên địa bàn xã qua đường trung thế 22 kV.

f) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang

- Thoát nước thải:

+ Hệ thống thoát nước kết hợp thoát nước riêng, thoát nước nửa riêng và thoát nước chung.

+ Tại khu trung tâm xã và khu tập trung đông dân cư: Sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng, nước thải đã xử lý qua bể tự hoại được xả vào hệ thống thoát nước thải và đưa về trạm xử lý tập trung; Bố trí 3 trạm xử lý nước thải tập trung: trạm số 1 được đặt ở trung tâm xã có công suất khoảng 120 m³/ngày.đêm; trạm số 2 được đặt ở khu vực đông dân cư Làng Trui, công suất 50 m³/ngày.đêm và trạm số 3 được đặt ở khu vực đông dân cư thôn Kà Rầy, công suất 50 m³/ngày.đêm.

- Chất thải rắn (CTR):

+ CTR sau khi được thu gom sẽ vận chuyển về bãi xử lý CTR của huyện tại xã Ba Thành quy mô khoảng 3 ha;

+ Trong giai đoạn ngắn hạn bố trí Ô chôn lấp CTR quy mô khoảng 0,5 ha để phục vụ nhu cầu trước mắt của xã khi chưa đầu tư bãi xử lý CTR của huyện.

- Nghĩa trang:

+ Định hướng quy hoạch mới nghĩa trang nhân dân xã với diện tích khoảng 1 ha tại vị trí phía Bắc xã;

+ Từng bước khoanh vùng, đóng cửa nghĩa trang nhỏ lẻ trong khu vực lập quy hoạch không đảm bảo khoảng cách ly an toàn vệ sinh môi trường.

g) Hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất

- Hệ thống kênh mương: Định hướng củng cố, nâng cấp và kiên cố hoá hệ thống kênh mương nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu tưới tiêu còn lại địa bàn, tỷ lệ kiên cố hóa đạt 100% kênh nội đồng. Kiên cố hóa kênh mương kết hợp hệ thống kênh mương với xây dựng đường nội đồng đồng bộ phục vụ nhu cầu đi lại và vận chuyển được thuận lợi.

- Hệ thống đập: Gia cố, nâng cấp đập hiện trạng và xây mới đập đảm bảo phục vụ sản xuất, kết hợp các mương tưới tiêu; thường xuyên theo dõi, kiểm tra chất lượng kết cấu thân đập, đảm bảo an toàn cho sản xuất và dân cư trong vùng.

8. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Xem xét việc quy hoạch các khu, tiểu thủ công nghiệp và điểm dân cư, cần bố trí diện tích cây xanh cách ly, cây xanh tập trung và tận dụng sông suối để cải thiện vi khí hậu, giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu lên xã.

- Trong giai đoạn triển khai thực hiện quy hoạch, các dự án cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường chi tiết để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, đặc biệt quan tâm đến các dự án hạ tầng, phát triển khu dân cư và khu tiểu thủ công nghiệp, khu chăn nuôi ở ven sông, suối của xã.

- Đề xuất các giải pháp kỹ thuật để giảm thiểu ô nhiễm không khí, môi trường đất, môi trường nước, giảm thiểu tác động do Biến đổi khí hậu, ngập lụt và sạt lở.

- Lập chương trình, kế hoạch quản lý và giám sát môi trường.

Điều 2. Phê duyệt quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Tiêu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035 gồm: 03 chương, 25 Điều kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác xây dựng cơ bản, thực hiện quy hoạch và kiến trúc theo thẩm quyền.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Ba Tiêu tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

3. Ủy ban nhân dân xã Ba Tiêu có trách nhiệm

Phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng tổ chức công bố, công khai rộng rãi, cắm mốc giới quy hoạch đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Ba Tiêu giai đoạn

2021-2025, định hướng đến năm 2035 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phê duyệt; tổ chức cắm mốc giới ngoài thực địa theo đồ án quy hoạch được duyệt đồng thời lưu trữ hồ sơ theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 5. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính – Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND xã Ba Tiêu và thủ trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Giang Nam